

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 7 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 27

Từ trên đến đây đã giải thích về hai phần đầu trong năm pháp quán dừng tâm xong. Từ đây trở xuống, là phần thứ ba, Duyên Khởi Quán, trong đó, trước hỏi, kế giải thích, sau là kết.

Trong phần hỏi, “Tánh duyên”, là bốn duyên, Duyên khởi, là duyên mười hai chi.

Trong phần giải thích gồm có hai:

a) Nói về dựa theo bốn đạo lý, nhằm tìm kiếm ba hành của ba đời, chỉ có các pháp, không có tác giả, thọ giả.

b) Nói do tư duy nên tâm si thanh tịnh.

Trong phần trước có hai:

Một, là đối với ba đời, chỉ nhận thấy có hành; chỉ pháp; chỉ sự, chỉ nhân, chỉ quả.

Hai, nương tựa bốn đạo lý để tìm kiếm, mong cầu:

Vì quán đối đãi vô minh v.v... nên có hành v.v... Vô minh, hữu chỉ sinh ra tác dụng của hành, cho đến sinh không có tác dụng đã sinh ra già chết.

Có lượng của chí giáo nói là có duyên khởi; có khổ, tập trí hiện lượng, nói là chứng biết.

Biện luận đối địch có tỷ lượng: Có Phật hay không có Phật; vô minh duyên hành v.v... tánh của việc đó là pháp vốn như thế (pháp nhĩ) vì không có người tạo, kẻ thọ lãnh.

Ở đây, chỉ có các pháp như vô minh v.v... các pháp có công năng dẫn phát hành v.v..., tức là duyên khởi. Vô minh v.v... đối với hành v.v... là duyên nhiều ít, tức là tánh duyên.

Phần thứ tư, trong quán sai khác của cõi, đầu tiên là giải thích rộng về tánh tướng khác nhau của sáu cõi:

Hai, “Nếu các hành mạn v.v...” trở xuống, là nói về ngã mạn,

nghĩa là đối với sự khác nhau của cõi, tác ý tư duy tâm ngã mạn được tịnh.

Trong phần trước, gồm có hai:

Một/ Nêu ra sáu tên gọi là.

Hai/ Giải thích rộng về sáu giới tức là sáu đoạn.

Nếu dựa theo kinh Niết-bàn thì quán mười tám giới, được gọi là giới phân biệt quán. Nay, ở đây nói về sáu giới là sao?

Khuy Cơ Pháp sư nói: “Sáu giới này vì chung cho cả cõi Dục, cõi Sắc có đủ, nên dù địa không đủ, chẳng phải mười tám giới có giới này đủ;

Nói rằng, tánh giới riêng trong thân này, thuộc tánh cứng chắc v.v..., thuộc cứng chắc là đất. Căn thân bên trong thuộc về đất này, có trần là chấp thọ của A-lai-da. Nay giới địa này phần lớn nương tựa gần căn trần chấp thọ kia. Vì địa đại trong đây cũng là chấp thọ của A-lai-da, nên nói rằng nương tựa gần chấp thọ như thủy v.v... ở dưới, một phần chỉ ở đây.

Trong giới Địa ngoài, nói rằng, chẳng nương tựa gần, chẳng phải chấp thọ. Nghĩa là nếu giới địa bên trong nương tựa gần, đã dựa gần ở bản thức, thì có thể chấp thọ v.v... Nay, giới địa bên ngoài chẳng phải là lửa ngoài có thể đốt cháy một phần v.v... các thôn xóm v.v... Luận sư Cảnh nói: “Hoặc khiến đốt một làng, hoặc đốt một phần làng, cho nên nói rằng:” đốt một phần v.v... thôn xóm. Cho nên nói hoặc từng phần của các thân, nay lại giải thích rằng: Hoặc thiêu đốt xóm làng hoặc giới ngoài xóm làng, nghĩa là trừ chỗ có rác rưởi, v.v...

Như luật đã nói: “Gió bên hông khi nằm trong giới phong bên trong. Luận sư Cảnh nói:” có người mắc phải chứng bệnh phong, chỉ được nằm ngửa, gọi là Tích ngọa phong (gió dưới xương sống lúc nằm). Hoặc có người mắc chứng bệnh phong. Chứng bệnh của thân như bị nhiều lưỡi dao lớn, nhỏ cắt, cũng như kim châm chích. Hoặc có người khi bị bệnh phong, trên mặt nổi những chấm đen, mỗi chấm đều như hình dáng Tát-Bát-La”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: gió v.v... của hông khi nằm, nghĩa là thứ gió này dứt trong hông mà được nằm v.v... có thứ gió như lưỡi dao to, nhỏ làm hại con người.

Gió Tát-bát-la. Như Luận sư Cảnh giải thích: “lại giải thích về Tát-bát-la, tức con người ăn Tát-bát-la. Gió này cay, gây đau đớn, vì giống như Tát-Bát. Trong giới ngoài, nói rằng gió Tỳ-thấp-Bà, Hán dịch là gió của các thứ Khéo Trang Nghiêm. Như nơi Tỳ-Chấp-Yết-Ma v.v...

gọi là xảo thiên. Gió Phệ-Tam-Bà, Hán dịch là toàn Phong (gió xoáy), tức là thứ gió thổi mạnh, gió xoáy vòng trong núi Tô-mê-lô.

Bàn tay Đa-La v.v... Phương Tây có một cây, hình dáng chiếc lá giống như cây móc, cây cọ (tông lô). Cắt bỏ đốt lá, chỉ thừa lại thân lá, cũng quạt mát được.

Trong giải thích thức giới, đầu tiên, y cứ ở sáu thức. Sau nói rằng, Tâm, ý, thức. Nghĩa là lấy chung cả tám thức hữu lậu.

Hỏi: “Như bậc thánh thành tựu thức vô lậu v.v..., có phải cũng được y cứ ở thức Vô lậu đi để lập làm Thánh Nhân không?”

Đáp: “Chỉ có y cứ chung cho năm uẩn vô lậu, có phải cũng được y cứ ở thức vô lậu, người đó được nói là bậc Thánh. Tuy nhiên không được nói là thức vô lậu v.v..., được lập trong sáu giới, vì sáu giới là gốc của sự sinh.

Lìa một hợp tướng, tức chấp làm ngã, thật ra, các giới bị thân chấp làm một hợp ngã. Nay lìa tướng này, tức kinh Bát Nhã nói rằng: “Như Lai nói là một hợp tướng v.v...”

Thứ năm, trong A-na-ba-na niệm quán, trước là hỏi, kế là, giải thích, sau, là kết thành nghĩa kia.

Trong giải thích có hai:

1/- Nêu sơ lược; 2- Giải thích rộng.

Trong phần trước, trước là giải thích về niệm; sau, giải thích đối tượng duyên (sở duyên):

A na, Hán dịch là Trì lai, tức là hơi thở vào; Ba-na, Hán dịch nói là Trì khứ, tức hơi thở ra.

Pháp sư Thái nói: “Đời Đường gọi là Trì tức lai, trì tức khứ.”

Trong giải thích rộng dưới đây, trước là giải thích về thể hơi thở của đối tượng duyên (sở duyên); sau phân tích chủ thể tu tập niệm.

Trong phần trước có bảy câu:

1- Phân tích về thể của hơi thở ra vào, mỗi hơi thở đều có hai phần khác nhau.

2- Nêu ra nhân duyên.

3- Phân tích đối tượng nương tựa của hơi thở.

4- Nói về sự vận hành của hơi thở.

5- Nói về địa sở y.

6- Phân tích tên khác.

7- Người tu quán hơi thở có hai tai hại lỗi lầm.

Thở vào v.v... Luận sư Cảnh giải thích “Thở vào, lúc vào khắp trong thân, cho đến chỗ rún.

Khoảng giữa thở vào. Nghĩa là hơi thở vào diệt rồi, hơi thở ra chưa sinh, ở khoảng giữa tạm thời có hơi thở giống như làn gió thoảng nhẹ. Dưới đây, nói về niệm lúc hơi thở vào ngấn, duyên thở vào của khoảng giữa này.

Hơi thở ra cũng thế v.v.... Nghĩa là phát ra từ rún cho đến miệng, mũi. Hoặc thở ra ngoài mũi, là hơi thở ra dài. Hơi thở ra đã diệt, hơi thở vào chưa sinh. Khoảng giữa từ rún đến mũi, tạm thời có hơi thở ra, giống như làn gió. Dưới đây, sẽ nói về niệm khi hơi thở ra ngấn, “duyên” hơi thở ra của khoảng giữa này.”

Cơ Pháp sư nói: “Khoảng giữa hơi thở ra vào. Nghĩa là khoảng giữa hơi thở vào, ra dù hơi thở chưa ra vào, ở khoảng giữa đó cũng vẫn có hơi thở nhỏ nhiệm chuyển biến, gọi là hơi thở khoảng giữa.”

Xưa, ngài Viễn Công nói: “Hơi thở ra xuất phát từ rún, tam sinh đến ngoài liền diệt. Hơi thở vào bắt đầu từ ngoài thân mà đến vào thân, tức là diệt, tùy tâm thô, tế, xa gần không nhất định.”

Pháp sư Thái, Pháp sư Cơ đồng nói: “Hơi thở kia vì chỉ đến rún, vì phía dưới rún không có con đường của hơi thở, lại không có chỗ thoát ra, trở lại, tức là cho đến từ miệng thở ra và thở ra từ chóp mũi.”

Hơi thở có hai nhân duyên. Luận sư Cảnh nói:

1/ Nghiệp dẫn dắt là nghiệp quá khứ. 2- Con đường của gió đã nường tựa và chỗ nường tựa của các lỗ chân lông. Chỗ nường tựa cũng được gọi là nhân duyên.”

Pháp sư Thái nói: “1/- Do nghiệp dĩ vãng đã dẫn phát gió nghiệp. 2/- Giữa rún có lỗ nhỏ, hoặc phía trên miệng, mũi. Giải thích về đối tượng nường tựa rằng: “Một thân, hai tâm, do phải nường tựa ở chỗ thân, tâm, thì hơi thở ra vào mới vận chuyển như các đối tượng thích hợp với nó. Luận sư Cảnh nói: “Tức là Tỳ-Bà-sa nói: “Nường tựa thân, nường tựa tâm, tu theo điều mà hơi thở cảm thấy thích hợp.”

Tùy theo sự thích hợp của hơi thở. Có thuyết nói: “Lúc trẻ thơ hơi thở ít, lúc trung niên, hơi thở vừa; khi tuổi già, hơi thở nhiều.”

Có thuyết nói: “Do bốn việc, nói là tùy theo sự thích hợp:

1- Nường tựa thân.

2- Đường gió thông suốt qua.

3- Lỗ chân lông mở ra.

4- Tâm thô của Địa hơi thở hiện ở trước, nếu chia nường tựa thân, không nường tựa tâm, thì hơi thở kia của hai định vô tâm lẽ ra quay trở về. Lúc bấy giờ, dù có thân là đối tượng nường tựa của hơi thở đi nữa, thì đường gió cũng thông suốt qua lỗ chân lông, cũng mở ra, chỉ không

có tâm thô hiện ở trước, nên hơi thở không quay về.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hoặc nương tựa thân, tâm; hoặc nương tựa ở nghiệp; hoặc theo lỗ hổng, nên nói: “Như đối tượng thích hợp với nó. Chỗ nương tựa được thích hợp, đều nương tựa.

“Nếu chỉ nương tựa ở thân mà hơi thở được vận chuyển” v.v..., trong đây, ý vấn nạn rằng: “chẳng phải chỉ dựa vào thân mà hơi thở được vận chuyển, như khi nhập định vô tâm v.v..., thân ở cõi dưới mà hơi thở của người kia không chuyển vận, cho nên, chẳng phải chỉ nương tựa thân, mà hơi thở được chuyển vận. “Nếu chỉ dựa vào tâm mà hơi thở được vận chuyển v.v... “. Trong đây, ý vấn nạn rằng: “chẳng phải chỉ dựa vào tâm mà hơi thở được vận chuyển. Nếu không như thế thì khi nhập định Vô Sắc, hơi thở của người kia chuyển vận? “Nếu chỉ nương tựa vào thân, tâm mà hơi thở được vận chuyển”: Trong đây, ý vấn nạn rằng: “Cũng nương tựa lỗ hổng, nghiệp v.v... mà hơi thở được chuyển vận?”, chẳng phải chỉ nương tựa thân, tâm, như bốn phần vị thời gian ở trong bụng mẹ, không có nghĩa hơi thở. Vì thế nên luận nói là phần vị đóng cửa v.v...

Hơi thở có hai lối đi. Nghĩa là hơi thở vào đi trở xuống, là vì từ mũi, miệng, hướng xuống phía dưới chỗ rún. Hơi thở ra đi trở lên, vì từ trên chỗ rún, đi đến miệng, mũi.

Hai Địa. Nghĩa là lấy đường gió, tế là lỗ chân lông. Đối tượng nương tựa gọi là Địa trước cứ ở chỗ vì nhân lỗ chân lông, nên hơi thở được ra vào, tức gọi là nhân duyên. Có hai tai họa lỗi lầm: Nếu phương tiện quá chậm, thì biếng nhác hôn trầm, thù miên. Nếu phương tiện quá gấp thì cả hơi thở đều kết tụ, làm nảy sinh nỗi khổ không đồng đều của thân, tâm.

Từ đây trở xuống, là phần thứ hai, giải thích về chủ thể tu niệm, trong đó, đầu tiên, là chia ra năm môn. Kế là, dựa vào môn để giải thích. Sau, là tổng kết.

Nếu y cứ theo Luận tạng v.v... thì có sáu, nghĩa là thường tùy chỉ quán trở lại tịnh. Nay môn đầu ở đây sẽ là thường tùy chỉ quán kia, môn khác không đồng.

Trong phần giải thích về môn đầu, trước là chia ra bốn câu; sau, giải thích bốn câu, trong đó có bốn:

- 1- Giải thích bốn câu.
- 2- Nói về toán số thẳng tắn.
- 3- Nói về lợi độ, khác nhau.
- 4- Nhắc lại chung để kết.

Trong phần đầu, nói lấy một làm một toán số: Luận sư Cảnh nói: “Đầu tiên, “duyên” hơi thở vào, vì không quán hơi thở ra, nên nói rằng hơi thở ra dứt ở niệm”.

Pháp sư Thái nói: “Đây chỉ “duyên” hơi thở vào, nhưng niệm từ cảnh mà đặt tên, gọi là hơi thở ra vào dứt ở niệm.

Lấy hai làm một số tính. Nghĩa là hai hơi thở ra vào hợp số thành từ một đến mười thuận theo toán số, tức là hai số trước từ một đến mười gọi là Thuận.

Số tính ngược. Nghĩa là nếu lấy một làm số một, từ số mười đến số một, cái gọi là vào mười, ra chín, vào tám ra bảy, vào sáu ra năm, vào bốn ra ba, vào hai ra một. Nếu dựa theo lấy số hai làm số một, thì đầu tiên, hơi thở ra vào là số mười. Kế là, hơi thở ra vào là thứ chín. Kế là, hơi thở ra vào là thứ tám. Kế là, hơi thở ra vào là thứ bảy, cho đến thứ nhất.”

Hỏi: “Chỉ lập số thuận là được rồi, đâu cần phải số nghịch?”.

Giải thích: “Vốn vì Chế Trì nhiều tâm từ, nên tạo ra tính số để quán. Nay, lập ra nhiều môn nhằm đếm hơi thở, hoặc một, hoặc nhiều, hoặc thuận, hoặc nghịch, điều phục tâm từ, để cho không được khởi, nên tạo ra quán này,”

Pháp sư Thái nói: “Đếm xuôi đến mười xong, không đếm mười một, đếm ngược lại từ số chín, kế là, nói tám, cho đến hai. Kế là, nói một, nên gọi là đếm ngược. Bà-sa không có cách đếm này.”.

Hỏi: “Niệm này hoàn toàn “duyên” cảnh hiện tại, sao lại từ số một đếm ngược lại số chín, tám, bảy v.v... quá khứ?”.

Ngài Tam Tạng đáp: “Chỉ giả tưởng quán số mười. Tiếp theo là chín cho đến số một, không “duyên” thể của chín, tám, bảy v.v... trong quá khứ để làm số ngược.

Thứ hai, trong nhân tích về số tính của thẳng tấn, nghĩa là nêu y theo lấy một làm một số tính, thì thời nay, hoặc hợp hai hơi thở ra vào làm một số đến mười. Hoặc hợp một vào, hai ra; thứ ba vào làm một số đến mười số, cho đến tăng dần. Tổng hợp năm mươi tám hơi thở vào, năm mươi hơi thở ra, hợp một trăm hơi thở làm một số đến mười. Nếu dựa vào lấy số hai làm một số tính, thì đầu tiên, hợp bốn hơi thở: hai vào, hai ra làm một số đến mười, cho đến tăng đến một trăm vào, một trăm ra, có hai trăm hơi thở, tổng hợp thành một số đến mười.

Như thế, người siêng tu niệm đếm hơi thở, mười mười là một trăm số dùng làm một, cho đến đủ mười, vì sao từ một số đều đến mười? Do đây, lấy mười làm một số tính, khoảng giữa số đó, tâm không tán loạn.

Ngang đây, gọi là người đã tu tập xuyên suốt.”

Khởi Pháp sư nói: “Đầu tiên, lấy một trăm làm số một đến thứ mười, tức là mười trăm, gọi là ngàn. Lại lấy mười mười trăm làm một, nên nói rằng mười mười đếm là một, dần đếm cho đến đủ mười, tức là muôn. Vì mười cái mười trăm, nên nói rằng mười mười.

Lại, đây là người siêng năng tu niệm đếm hơi thở, Nghĩa là từ số một chưa đủ mười, đếm đến khoảng giữa lại lầm lộn, nên bỏ không đếm nữa, lại khởi sự đếm từ một. Hoặc có lúc vì số tính rất quen, cho nên trước khi hơi thở vào, đã có thể lấy chuyển nghĩa là lúc có biết có, hơi thở vào diệt xong, đối với phần vị trống không của hơi thở, có khả năng lấy chuyển, lúc không có, thì biết không có. Kế là, đối với hơi thở ra trở xuống, là đối với hơi thở ra kia biết có, biết không. Như thế, lần lượt rút chảy nối tiếp nhau cho đến giúp cho tâm an trụ.

Từ trên đến đây, đã nói rất nhiều quán hạnh lần lượt nối tiếp nhau, cho đến khiến tâm an trụ. Đối với hơi thở ra vào, nên chính đáng thực hành theo, nên xem xét rõ ràng, thấu đáo. Nghĩa là về hơi thở ra vào, đếm riêng; đếm kép; hoặc đếm xuôi; đếm ngược; hoặc không lầm lẫn, nên chính thức thực hành theo. Nếu có sự lầm lộn, nên xem xét, hiểu rõ một cách thông suốt. Về hơi thở ra vào, và hai khoảng giữa, hoặc chuyển tiếp, hoặc trở lại phần vị khác, đều khéo biết rõ. Nếu lúc hơi thở vào ra sanh khởi thì gọi là hoặc chuyển. Khoảng giữa đã diệt, sau lại chưa sinh, gọi là hoặc hoàn. Như thế sự khác nhau của phần vị chuyển vận, trở lại, đều phải khéo hiểu biết rõ ràng. Như thế, gọi là tu tập toán số.

Thứ ba, trong phần nói về lợi, độn. Nghĩa là nếu đối với người căn tánh chậm lụt (độn căn), thì vì họ nói pháp tính số để giúp cho tâm an trụ. Nếu khác với tính số, thì sẽ bị triền hôn trầm v.v... khuấy nhiễu. Nếu đối với người lợi căn, hoặc vì họ nói pháp tính số, cũng có thể nhanh chóng thấu rõ không có ngăn cách, nhưng họ không ưa thích.

Thứ tư, trong nhắc lại chung để kết, nếu theo giải thích của Luận sư Cảnh, thì theo thứ lớp như đã nêu ở trước.

Phần nhiều gia hạnh vì làm nhân duyên, nên được thân, tâm khinh an, chứng một tánh cảnh. Cho nên, biết từ trên đến đây, đa số quán đều là văn, tư và đều có nhân sinh ra tuệ. Tu tập này được định Vị chí, gọi là tánh cảnh. Nói nếu là xứ chuyển”: Là nhắc lại kết trên, về nghĩa của bốn thứ tính, là lấy một làm một v.v....

“Hoặc cho đến chuyển”. Nghĩa là kết tính số thắng tấn ở trên.

“Hoặc như đã chuyển”. Nghĩa là kết “ Sự lầm lộn, nên lùi trở lại,

bắt đầu đếm từ một”.

“Hoặc có lúc chuyển vận”. Nghĩa là kết “Hoặc có lúc tính số mất quen thuộc, nên biết có, biết không v.v... nói trên.

“Đối với pháp này do an trụ ở niệm v.v... “ là KẾT: “Như thế lần lượt chảy rót nối tiếp nhau” trên, cho đến khiến tâm an trụ v.v...”

Pháp sư Thái nói: “Các chỗ lỗ hồng”, gọi là “nếu là xứ chuyển”. “vào thân cho đến vùng rún” gọi là “cho đến chuyển”. “Như hơi thở ra vào” gọi là “Nếu như đối tượng được chuyển”: Là thời gian hơi thở ra vào dài, ngắn nối nhau” gọi là “Hoặc có lúc mà chuyển”.

Luận sư Bị nói: “Hoặc hơi thở vào bắt đầu từ chóp mũi, cuối cùng đến vùng rún. Hoặc hơi thở bắt đầu từ chỗ rún đến chóp mũi, gọi là “hoặc là chỗ chuyển”. Hơi thở vào từ mũi, dần dần đến rún, dần dần đến mũi, gọi là “hoặc cho đến chuyển”, tức vị trí lúc hơi thở vào, ra chuyển vận, có thể tùy thuộc vào chỗ mà hai hơi thở ra vào đã vận hành, gọi là “Hoặc cho đến chuyển”. Hai hơi thở ra vào lúc vô tâm định không được mà chuyển. Phần vị chuyển khác này hoặc tùy thuộc vào lúc đi mà chuyển, gọi là “Hoặc có lúc mà chuyển”.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: Nếu là đối tượng chuyển, nghĩa là nhắc lại các lỗ huyết trên, tức lỗ thô, lỗ tế v.v..., chính là xứ chuyển ở đây. “Hoặc cho đến chuyển”, tức nêu “Từ lỗ huyết rún cho đến chỗ rún, tức hơi thở vào thân cho đến chỗ rún chuyển”. “Hoặc như đối tượng chuyển”, nghĩa là nêu lấy một làm một hơi thở ra vào ở trên. Ngoài ra, lúc thở, như đối tượng thuận, nghịch v.v... chuyển. “Hoặc có lúc mà chuyển”, tức là nhắc lại “Hoặc có lúc hành giả lấy một làm một v.v... cho đến mười lần mười làm một. “Thời gian, dài, ngắn, nối tiếp nhau” gọi là có lúc mà chuyển”, tức với ngần ấy thời gian, đếm hơi thở nên chuyển. Về sau, vì đã thành tựu, nên không nêu.

Thứ hai, trong giải thích về ngộ nhập uẩn tu tập, đầu tiên, là nói chung về ngộ nhập.

“Rằng, đối với hai việc đối tượng lấy, chủ thể lấy, tư duy ngộ nhập các uẩn, nghĩa là tư duy về đối tượng lấy, thể của hơi thở ra vào và thân, đối tượng nương tựa, ngộ nhập sắc uẩn. Tư duy chủ thể lấy niệm hơi thở vào, ra đồng thời với bốn uẩn, tức là ngộ nhập của bốn uẩn còn lại.

“Thế nào là ngộ nhập?” trở xuống, là kể là, nói về riêng ngộ nhập.

Pháp sư Thái nói “Như nhãn thức “duyên” màu xanh, là gọi là chứng lượng, đồng thời có tướng, tướng không có công dụng. Khởi tâm tìm cầu màu xanh này chẳng phải màu vàng, trở lại là cộng tướng, vì

duyên pháp giả, đó gọi là Tỷ lượng. Nếu nói thể cực vi này là xanh, vì màu xanh là thể, nên là cảnh của chứng lượng, không chung cho các màu xanh, cho nên là tự tướng. Nếu nói đây là màu xanh thì lìa màu xanh, sẽ không có, màu xanh riêng, cho nên là pháp giả, gọi là cảnh của Tỷ lượng. Chẳng phải, chẳng phải là nghĩa màu xanh cùng khắp tất cả màu xanh, nên gọi là công tướng. Lại nữa, màu xanh này lấy màu xanh làm thể. Vì thể không khắp nhau, nên là tự tướng, gọi là cảnh chứng lượng.

Chẳng phải, chẳng phải xanh, thì chẳng có cái không, vì thể khắp tất cả, nên là công tướng. Hiểu rõ công tướng này, gọi là “đẳng liễu”.

Tác ý tư duy, ngộ nhập tướng uẩn. Tướng đồng thời này nhất định có thức, thọ, nhưng vì công dụng yếu kém, cho nên không nói.

Phần thứ ba, trong ngộ nhập duyên khởi, trước chung, sau riêng.

Trong giải thích riêng, đầu tiên, là tìm cầu thể của hơi thở vào, ra, nên nương vào duyên thân, tâm. Kế là tìm kiếm thân, tâm. Nên dựa vào “duyên” mạng căn. Ba thứ này tức là thể của sinh, già chết của mẹ giữa, đồng thời mạnh yếu để chia ra chủ thể sinh, đối tượng sinh. Lại mong cầu mạng căn hiện tại. Từ các hành mẹ trước đã sinh, lại tìm kiếm hành này từ vô minh sinh ra. Từ mười nhân của mẹ trước, đại khái nêu hai vô minh với hành ở đầu.

Từ trên đến đây, là nêu quả để tìm nhân, theo thứ lớp nghịch đã xong. Từ đây trở xuống là thuận với thứ lớp.

Như thế, là biệt rõ vô minh, nương tựa vào “duyên” trước hành, cho đến thân, tâm đều nương vào “duyên” hơi thở kia.

Từ trên đến đây, đối với phần vị khởi tác, ngộ nhập duyên khởi. Lại biết rõ vì vô minh diệt, nên hành diệt v.v... Lại y cứ vào phần vắng lặng, ngộ nhập duyên khởi.

Phần thứ tư, trong ngộ nhập thánh Đế, trước là ngộ nhập bốn lý của khổ Đế, đó là vô thường khổ; không, vô ngã. Nhận biết rõ nỗi khổ này sinh ra từ tham, ngộ nhập tập Đế. Lại chính ngộ nhập sinh khổ là do ngộ nhập tham ái, vô dư dứt trừ hẳn. Ngộ nhập diệt đạo.

Phần thứ năm, trong mười sáu thắng hạnh, văn chia là ba:

- 1- Nhắc lại trước để nêu chung.
- 2- Giải thích.
- 3- Kết.

Đầu tiên, vì dứt tu hoặc, nên lại tiến tu mười sáu hạnh thù thắng.

Nói thắng hạnh là có nghĩa gì? Xưa ngài Viễn Công nói: “Vì tám nhân duyên nên gọi là thắng hạnh.”

Pháp sư Bị nói: “Vì tánh trí tuệ không chung với ngoại đạo, nên gọi là thắng hạnh.”

Nay, giải thích: “Vì vượt hơn kiến đạo ở trước, nên gọi là thắng hạnh.

Trong giải thích, trước nêu sau giải thích.

Trong phần nêu, y cứ theo luận chánh lý dần kinh nêu ra mười bảy niệm. Trước nói chung, sau, nói riêng. Có mười sáu luận này cũng thế.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “trong đây, trước là “duyên” chung niệm trụ. “hoặc dài, hoặc ngắn”. Trở xuống, là mới nêu mười sáu. Trong câu hỏi dưới đây sẽ giải thích.

Mười sáu niệm nương tựa bốn Niệm trụ. Xưa nay, bốn với bốn phối hợp:

- 1- Quán hơi thở dài.
- 2- Quán hơi thở ngắn.
- 3- Quán hơi thở khắp thân.
- 4- Hơi thở trừ hành của thân. Bốn thứ này là quán thân.
- 5- Quán hỷ hơi thở vào, ra trong hỷ.
- 6- Quán lạc hơi thở vào, ra trong lạc.
- 7- Quán hơi thở ra vào của tâm hành.
- 8- Quán hơi thở trừ tâm hành trong hơi thở ra vào. Bốn thứ này là quán thọ.
- 9- Quán hơi thở ra vào của tâm.
- 10- Quán hơi thở của tâm vui mừng.
- 11- Quán hơi thở của tâm chế trừ.
- 12- Quán hơi thở của tâm giải thoát.
- 13- Quán hơi thở vô thường.
- 14- Quán hơi thở đoạn.
- 15- Quán hơi thở lìa dục.
- 16- Quán hơi thở diệt. bốn thứ này là quán pháp.

Trong phần giải thích, trước là nêu giới hạn của tu. Nghĩa là học kiến tích đã được bốn niệm trụ v.v... ba mươi bảy pháp phần BỒ-ĐỀ, đối với đối tượng duyên (sở duyên) của hơi thở, tác ý tiến tu, vì dứt trừ các kiết còn lại, nên nghĩ rằng: “đối với niệm hơi thở ra vào, nay tôi có thể học.

Giải thích riêng mười sáu. Trong giải thích thân bốn. Ngài Tam Tạng nói: “hà hơi ra, hít hơi vào thì hơi thở dài. Lúc tạm dứt ở khoảng giữa hơi thở vào và khoảng giữa hơi thở ra, gọi là ngắn. Giác biết rõ hơi thở khắp thân, nghĩa là lúc đầu tiên quán hơi thở, chỉ ở chóp mũi. Về

sau, khi quán thành, có thể nhận biết được hơi thở kia ra vào khắp thân, nên được gọi là “ Giác”.

Hơi thở trừ thân hành: Thân hành, nghĩa là hơi thở ra vào, khiến hơi thở bỏ thân hành, gọi là hơi thở trừ thân hành.

Trong thọ bốn, lại tức giác biết rõ hỷ như thế, giác biết rõ lạc, là bằng nhau.

Giải thích tâm hành trong đây, hoặc có quên niệm, khởi ngã, ngã sở và mạn, rằng ta sẽ có Vô Sắc v.v....

Cơ pháp giải thích: “ Kiến Đế này được gọi là tạm quên Niệm sinh, chứ chẳng phải “ kiến” trong sáu mươi hai kiến này, nếu y theo kiến trong sáu mươi hai kiến này thì ngã sẽ có là thường kiến, người thấy Đế ở chỗ nào mà khởi thường kiến? Vì không có văn nào nói là tu Đạo khởi thường kiến cả. Nay ở chỗ này tức hiện khởi: hoặc” nào? Hơn nữa, đây là ở đạo vị phàm phu khởi, vì chưa kiến Đế, nên không ngại”.

Nếu vậy, thì người thấy Đế ở trước tạo nên mười sáu thắng hạnh này, làm sao được khởi thường kiến v.v... nghĩa là với mười sáu hạnh này, phàm phu cũng tạo ra hay sao?

Nói người thấy Đế ở trước, nghĩa là y cứ vào người thấy Đế để nói, chứ chẳng phải chung cho phàm phu, thật ra là chung cho cả phàm phu. Khởi thường kiến v.v... này tức là chứng. Nay giải thích: “cũng có thể địa vị Thánh tạm thời quên niệm, khởi nhỏ nhiệm đoạn, thường kiến v.v... mà chẳng phải thuộc về sáu mươi hai kiến tức lấy văn này để làm chứng ở trong “tâm”.

Lại, nếu được ba tĩn lự căn bản trước thì định kia đã được vị chí của cận phần sơ tĩn lự nương vào định. Dựa vào định này quán sát sinh khởi tâm mười cặp, gọi là giác biết rõ tâm v.v....

Trong pháp bốn nói: “Lại thời gian ở trước, hoặc dựa vào ba tĩn lự của địa dưới, hoặc dựa vào Vị Chí. Dựa vào định xong, đối với Xa-ma-tha tu hạnh Du-già “. Văn này chính là thừa nhận phương tiện căn bản của ba tĩn lự dưới đều được tạo ra quán sở tức, không đồng với luận tiểu thừa chỉ ba cận phần.

Nơi năm địa trung gian của cõi Dục tạo ra giới, đoạn, ly, diệt, nghĩa là nếu theo luận Chính Lý, quyển Bảy mươi hai chép: “Ba cõi đoạn v.v..., tức phân biệt thuyết trước nói vô vi gọi là giải thoát dùng làm tự thể. Nhưng thể của ba cõi y cứ ở giả có khác. Nếu y cứ vào thật thì sẽ không có khác nhau.

“Sao gọi là y cứ ở giả có khác? Nghĩa là kìa kiết tham, gọi là lìa

giới. Dứt trừ tám kết, gọi là đoạn giới. Diệt trừ tất cả các kết như tham v.v..., đối tượng trói buộc thể của sự, gọi là diệt giới.”

Vì sao ba cõi khác nhau như thế? Nghĩa là pháp hữu lậu lược chung có ba:

- 1/- Chủ thể trói buộc chẳng phải chủ thể nhiễm.
- 2/- Chủ thể trói buộc cũng là chủ thể nhiễm.
- 3/- Chẳng phải cả hai thuận với pháp trói buộc ô nhiễm.

Dứt trừ ba pháp này, được chứng vô vi, như thứ lớp gọi là ba cõi như đoạn v.v....

Nay, Đại thừa này không đồng với thuyết kia.

Hỏi “mười sáu hạnh này đến địa vị nào mới được tu tác?”

Pháp sư tuệ Viễn nói “Theo nói chung bắt đầu từ phạm phu đến quả Vô học, đều thực hành quán này. Nếu nói theo tướng riêng thì bốn hạnh đầu, bắt đầu quán ở năm pháp quán dừng tâm, thành tựu ở bốn niệm xứ. Tám hạnh kế là đều ở Vị niệm xứ. Bốn sinh sau từ Noãn đến quả Vô học”.

Từ đây trở xuống, là thứ ba, giải thích đối tượng duyên (sở duyên) của thiện xảo. Trong đó, trước hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích có ba:

- 1/- Nêu năm thiện xảo.
- 2/- Giải thích theo thứ lớp.
- 3/- Dùng tự tướng, cộng tướng gồm sáu năm.

Nhưng thiện xảo này, hoặc lược, hoặc rộng, chỗ văn không đồng. Nếu theo Tỳ-bà-sa quyển sáu nói thì có bốn pháp thiện, đó là giới, xứ, duyên khởi và xứ, phi xứ. Nếu theo Du-già ở quyển này nói thì có năm thiện xảo. Quyển Năm mươi bảy nói sáu thiện xảo, nghĩa là nói năm thiện xảo trên, thêm căn thiện xảo. Luận Hiển Dương, quyển mười bốn nói bảy thiện xảo, lại thêm Đế thiện xảo. Biện Trung Biên quyển hai nói có mười thiện xảo.

1- Uẩn; 2- Giới; 3- Xứ; 4- duyên khởi; 5- Xứ, Phi Xứ; 6- Căn; 7- Thế; 8- Đế; 9- thừa; 10- Hữu vi, vô vi. kinh Bồ-tát Tạng Quyển 17 nói có mười thiện xảo:

1- Pháp; 2- Giới; 3- Xứ; 4- Đế; 5- Vô ngại giải; 6- Y thú; 7- bốn y, như y nghĩa, không y văn v.v... 8- Đạo pháp, tức 37 phẩm trợ đạo; 9- Duyên khởi; 10- Tất cả pháp gồm sáu khắp tất cả hữu vi vô vi.

Trong giải thích về uẩn thiện xảo, thế nào là tướng uẩn?

Có tướng, không tướng v.v..., nghĩa là duyên tướng của tục Đế, gọi là có tướng. “duyên” tướng của thắng nghĩa, gọi là không có tướng. Lại

“duyên” pháp có thể y tha, viên thành gọi là có tướng. Nếu “duyên” pháp vô thể của biến kế sở chấp, thì gọi là vô tướng. “Duyên” cõi Dục, gọi là tướng nhỏ, “Duyên” cõi Sắc, gọi là rộng lớn; “duyên” “không”; “thức”; xứ, gọi là vô lượng. Không có các xứ sở hữu v.v... là vô sở hữu xứ.

Thức uẩn, nghĩa là tâm, ý, thức. Đây có hai giải thích:

1- “Tức thể của sáu thức có nghĩa tập khởi, gọi là Tâm; có nghĩa tư lương, trừ tính, lo nghĩ, gọi là ý; liễu biệt, gọi là Thức.”

2- “Lại-da gọi là Tâm; Mạt na gọi là Ý; Sáu thức gọi là Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Uẩn trước và thức uẩn này, đều có quá khứ v.v.... Nghĩa là thể của bốn uẩn như thọ v.v... có ở cả ba đời rất dễ hiểu. Nếu theo “duyên” trần bên ngoài, tùy cảnh, gọi là ngoài; nếu “duyên” trong thân, tùy theo cảnh, gọi là Trong Năm thức tương ứng với bốn uẩn, gọi là thô; ý thức tương ứng với bốn uẩn, gọi là tế. Bốn uẩn có cả ba tánh thiện, gọi là tốt, gồm hai tánh, gọi là xấu. Quá khứ, vị lai, gọi là xa, hiện tại, gọi là gần.

Trong giới thiện xảo, nếu lại ở trong mười tám thứ pháp kia, cho đến gọi là giới thiện xảo, thì thể của mười tám giới chính là lấy chủ thể sinh hạt giống để làm giới. Nhưng trong văn lại nói mười tám pháp như nhãn, sắc, thức, giới v.v..., cũng gọi là giới, là vì “theo nhau” cũng là giới, chẳng phải thể của chính giới. Vì thế, nên văn này lại nói mười tám pháp từ giới riêng riêng, hạt giống riêng riêng sinh khởi, xuất hiện, cho nên biệt mười tám thứ pháp chẳng phải là thể của chính giới. Vì giới và chủng tử, chủng tánh, danh khác, thể đồng. Đồng là hạt giống là thể của mười tám giới.

Nay, đem sự biệt rõ hạt giống của mười tám thứ pháp đều riêng, gọi là giới thiện xảo, tức đồng với nhân duyên trong bốn duyên mà được thiện xảo.

Trong Xứ thiện xảo, nghĩa là hiểu rõ mười hai xứ tạo ra ba duyên sinh ra sáu thức. Thức thứ sáu đồng thời với căn tăng thượng duyên, tức là Mạt na, nên luận nói rằng: “Mạt na này sinh tác ý là “duyên” tăng thượng. Cũng có thể ý thức đồng thời với tác ý thường làm “duyên” tăng thượng. Nếu theo nghĩa này, tức ý, pháp xứ cả hai làm duyên sinh ra ý thức, nghĩa là duyên Tăng thượng và duyên sở duyên (đối tượng duyên, chủ thể duyên) sẽ không bằng cách giải thích ở trước.

Trong duyên khởi, chỉ có các pháp thãm nhuần các pháp v.v..., thãm nhuần có hai:

1/ Chủ thể thãm nhuần tức ái.

2/ đối tượng thấm nhuần tức “hữu” và “thức” v.v....

Đẳng nhuần cũng có hai: Đối tượng thấm nhuần đồng với trước; chủ thể thấm nhuần tức “Thủ”. Cũng có thể Ái, Thủ, gọi là thấm nhuần, còn các phiền não khác giúp cho nhuần sinh thì gọi là Đẳng nhuần.

Mười nhân gọi là chủ thể dẫn, hai quả, gọi là đối tượng dẫn, nên dưới đây nhắc lại các hành, nói là sinh, già chết, cũng có thể mười hai duyên khởi, đều gọi là các hành. Sinh gần (trực tiếp sinh) gọi là “nhân” giúp làm rõ nghĩa, gọi là “duyên”. Lại, xứ, phi xứ, thiện xảo, phải là sự khác nhau, đồng của duyên khởi thiện xảo.

Xứ, phi Xứ Thiện xảo thứ năm kia vì xuất phát từ môn duyên khởi, sao lại là khác nhau? Sơ tâm ở đây, nói chung là vô minh “duyên” hạnh thiện, bất thiện, được quả sinh, già chết ở vị lai, chứ chẳng phải nhân bất bình đẳng là để nói về xứ. Khác với đây, gọi là “phi xứ”. Về sau, nói riêng về pháp thiện, cảm quả đáng yêu; bất thiện cảm quả chẳng đáng yêu v.v..., gọi là “Thị xứ”, khác với đây gọi là “Phi Xứ”.

Trong gồm sáu năm thành hai, do uẩn thiện xảo làm rõ tự tướng thiện xảo. Nghĩa là trên nói có ba nghĩa trong uẩn thiện xảo:

1- Các thứ tánh khác nhau.

2- Chẳng có đa tánh một nhiều.

3- Ngoại pháp này, không còn có sở đắc (Đối tượng có được), không có đối tượng phân biệt (sở phân biệt).

Vì y cứ ở hai nghĩa trước để nói về thiện xảo, cho nên là tự tướng. Do thiện xảo khác đã làm thiện xảo cộng tướng, nghĩa là do giới có mười tám đồng với nhân duyên mà được thiện xảo. Mười hai xứ đồng với nhân duyên mà được thiện xảo. Mười hai duyên khởi đồng là vô thường v.v... mà được thiện xảo.

Trong xứ, phi xứ, nói chung về nhân quả bình đẳng của Duyên khởi ba đời, gọi là “xứ”, nhân quả bất bình đẳng, gọi là “phi Xứ”, vì thế, nên bốn thiện xảo khác, đều gọi là cộng tướng.

Trong giải thích về sở duyên (đối tượng duyên) của tịnh “hoặc” có hai:

1- Nói về đạo thế tục, quán đực dưới là thô; quán địa trên là tĩnh. Khuất phục vô sở hữu xứ xong, lại tu “hoặc”.

2- Nói duyên bốn Đế, đạo xuất thế dứt các phiền não tất cả tùy miên, chế phục. Dứt trừ dù khác nhau nhưng đều gọi là đạo tịnh “hoặc”.

Tánh thô là sắc uẩn cõi Dục có nhiều phẩm loại, nên biết, nên dứt v.v.... Nghĩa là như trong cõi Dục có căn nam, nữ, sắc, hương, vị v.v...,

Sơ định thì không có. Lại trong bốn uẩn cõi Dục có ba thọ, thọ tương ứng với sáu thức. Sơ định thì không như thế. Tưởng, hành, thức tùy theo nghĩa rất dễ hiểu đều là thường thô.

Như thế, ở các địa trên lần lượt so sánh nhau. Tất cả khổ não của địa dưới. Đa số là mạng sống lâu giảm, địa trên thì ít khổ, thọ mạng tăng thượng, là tướng thô tịnh.

Kế là nói về đối tượng duyên của tịnh “hoặc” trong đạo xuất thế. Nghĩa là trí bốn Đế. Trong đó trước nêu chung. Kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích có bốn:

1- Nêu ra thể của Đế.

2- Giải thích nghĩa Đế.

3- Giải thích nghĩa thánh Đế.

4- “Lại sinh khổ.” Trở xuống, là giải thích nghĩa loại khác nhau của khổ Đế v.v....

Trong phần đầu trước là pháp, sau là dụ.

Nói: “Như ái” trong tập Đế, câu này là chung “Nếu về sau có ái.”, nghĩa là mong cầu ái trong thân, hai thứ ái dưới là tìm kiếm ái của cảnh ngoài. Đối với cảnh đã được, khởi hỷ, lục, ái kia.

Chủ thể được, chủ thể chứng. Nghĩa là Tập năng được, khổ, Đạo năng chứng Diệt.

Hỏi: “Luận Đối Pháp nói: “trong tám khổ bảy khổ trước là cảnh của trí thế tục; một khổ sau là cảnh của trí xuất thế. Vì sao luận này lại nói tám khổ đều là cảnh của trí xuất thế?”

Đáp: “Tục trí có hai:

1/ Trí sáu hạnh.

2/ Trí Thánh hạnh.

Luận Đối Pháp vì y cứ ở trí Thánh hạnh, nên “Duyên” bảy khổ trước, còn Luận này thì y cứ vào trí sáu hạnh, nên “duyên” tĩnh thô. Về nghĩa thì không trái nhau. Hơn nữa, Luận Đối Pháp kia vì y cứ ở phần vượt hơn để lập khổ Đế, nên không lấy khổ khổ và khổ hoại, mà y cứ toàn phần để lập ba Đế. Cho nên nói các “hoặc” “nghiệp” diệt và chủ thể đối trị, gọi là ba Đế. Văn luận này thì y cứ vào toàn phần để lập khổ Đế, phần vượt hơn để lập ba Đế.”

Hỏi: “Tham và ái, danh khác, thể đồng, vì sao nói rằng. Hỷ, Tham đều cùng hành ái? “

Đáp: “Theo luận chánh lý nói rằng: “Do định này biết y cứ chung các “hoặc” để kiến lập tên ái. Khác với đây (trái lại) không nên gọi là

tham đi chung.

Nay giải thích: “Văn này nói hỷ và tham đều có tham, tức gọi là ái, chẳng thể cho rằng tham và ái đi chung.

Trong giải thích nghĩa Đế, nói rằng: “Lại nghĩa khổ của Khổ đế, cho đến vì chẳng phải điên đảo để giải thích Đế, tức là để lại giáo thật khổ, không thể làm cho vui v.v....

Lại, tự tướng ấy không có sự lừa dối, (Tức tương đương với Tạp Tâm nói: “Lại, tự tánh không giả dối và nhận thấy người kia vì được giác biết không điên đảo, nên gọi là Đế.”

Nếu theo Bà sa, thì lược có năm nghĩa:

1- Thật; 2- Chân; 3- Như; 4- Không điên đảo; 5- Không giả dối.

Nay, trong văn này cũng có năm nghĩa:

1- Như; 2- Thật; 3- Không có trái ngược; 4- Không giả dối; 5-

Thấy người kia được thí chính biệt.

Trong giải thích về nghĩa loại khác nhau, đầu tiên, là giải thích về văn của khổ Đế, chia làm hai:

Trước, nói lược về nghĩa của tám khổ rất dễ hiểu. Sau, giải thích ba khổ, qua đó có ba:

1- Gom tám thành ba, nghĩa là do môn khác như sinh v.v..., chỉ hiểu rõ khổ khổ v.v.... Luận sư Cảnh nói: Do y cứ ở môn khác, nên bảy nỗi khổ trước chỉ làm rõ khổ khổ, do nhân sinh v.v... phần nhiều thêm khổ thọ.

Trong nỗi khổ của năm thủ uẩn, có đủ ba khổ. Vì sao? Vì như năm thủ uẩn gồm sáu thủ uẩn, cũng với khổ khổ trước là đồ đựng, cũng tức có đủ hai nỗi khổ Hoại, và khổ Hành. Nếu gồm sáu thủ uẩn tùy thuộc của môn chung để luận, thì mỗi khổ trong tám khổ đều có đủ ba khổ.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Lấy bảy khổ làm khổ khổ, nếu nói theo sự thật, thì chỗ khác chỉ nói năm khổ trước là khổ khổ, vì từ khổ tăng thượng, nên nói là khổ khổ.”

2/ Hỏi đáp để nói về danh: Ý hỏi vì sao hai nỗi khổ còn lại, lấy tiếng “hoại”, tiếng “hành” để nói là khổ? Một khổ đầu lấy tiếng “khổ” để nói là khổ?

Trong phần đáp có bốn:

a- Khổ Hành, khổ hoại chỉ bậc thánh biết, khổ khổ, người ngu cũng biết, nên từ tiếng để nói.

b- Khổ khổ, là tai họa rất đáng nhàm chán.

c- Vừa nói khổ khổ, liền dễ dàng lãnh hội.

d- Có thể giáo hóa hữu tình nghe nói dễ dàng hội nhập Đế.

3/ Kiến lập ba khổ. (Bảy nổi khổ trước, thì nói về khổ thọ và bốn uẩn mà thọ đã nương tựa. Tương năm uẩn từ chung, gọi là khổ khổ trong Kiến lập khổ Hoại. Nghĩa là cách “hữu” là bảy khổ kia trừ sinh khổ, sáu nổi khổ còn lại là pháp bị đối trị. Lại có “khổ thọ” và Xả mà khổ thọ đã nương tựa, hoặc căn, hoặc trần, “duyên” các đối tượng đó mà sinh ra phiền não.

Lại có người vì ở trước không bị bệnh v.v... thuận với sinh “lạc thọ”. Và nhân “lạc thọ” mà sinh ra phiền não.

Như thế, nói chung là tánh chất của khổ Hoại.

Do chí giáo này là chí giáo bậc nhất. Xưa nói là Thánh giáo, bản Phạm không có từ ngữ này, chỉ nói rằng Chí giáo, là giáo chí lý. Chí giáo gồm có nhiều hoặc liễu, không liễu. Nay vì dẫn liễu nghĩa, nên nói là bậc nhất.

Phiền não được gọi là Khổ Hoại, không chung với Luận của Tiểu thừa. về nghĩa khổ thì khó nhận thức nên cần phải dẫn chứng.

Do nghĩa này nên y cứ chung Khổ Hoại, chung cho cả ba cõi, chỗ khác chỉ nói “lạc thọ” nên đến định thứ ba trở xuống, là kiến tập Khổ Hành.

Nói rằng: “Nếu tánh của “Khổ Hành” cùng khắp, tánh chất của “Khổ Hành” hiện hành khắp tất cả đồng đẳng trong năm thủ uẩn”. Nghĩa là thủ uẩn vô thường, gọi là Hành. Có tất cả tham lúc “duyên” ba thọ, thì có sự thô nặng, tánh không điều hòa nhu thuận, vì luôn bị theo đuổi. Thể của “hành” kia vì không an ổn, nên gọi là Khổ Hành. Tóm lại, trừ các pháp thuộc về khổ khổ “Khổ Hoại” thì còn lại là không khổ, không vui, lạc cùng đi chung. Nếu pháp trừ Xả thọ sinh ra; hoặc sinh ra Duyên của Xả thọ kia, hoặc “Xả thọ” sinh ra đã nương tựa, dứt ở các uẩn, tương ưng với sinh diệt, đều là thể của hành. Hành này do có bốn thủ, bị sự thô nặng theo đuổi, không được yên ổn, nên gọi là “Khổ Hành”.

Kế là, lại nói rằng: “không thoát khỏi khổ khổ, kể cả Khổ Hoại, không tự tại chuyển”. Nghĩa là nếu dựa vào thể của Xả thọ hành của Lý tùy chuyển, thì tất sẽ không thoát khỏi hạt giống của khổ khổ, Khổ Hoại, nên gọi là Khổ Hành. Nếu khổ thọ tạo ra từ đâu, cũng không thể lìa hạt giống của hai khổ còn lại. Nếu dựa theo môn chân thật lý, thì Xả thọ Lại Da là thể của hành, vì thường có hạt giống của hai khổ còn lại đã theo đuổi, nên gọi là Khổ Hành. Dưới đây sẽ giải thích về ba Đế sau:

Sở Y Diệt (đối tượng nương tựa diệt).

1/ “Là dị thực diệt”

2/ Chương “Phiền não lấy Chương Sở tri làm đối tượng nương tựa.

Vì diệt tri chương này, nên gọi là Sở Y Diệt. Giải thích về đối tượng duyên (Sở duyên xong).

Từ đây trở xuống, là phần thứ tư, giải thích về môn Giáo thọ, trong đó, trước giải thích về bốn thứ Giáo thọ. sau giải thích ba thứ Giáo thọ: Pháp sư Thái nói: “Do nhìn thấy thần biến, nên sinh tâm tôn trọng, đối với người kia, chuyên tâm thuộc về tai nghe pháp, tư duy, sinh tâm- tôn trọng. Do tha tâm luân, tìm kiếm, mong cầu hành riêng như tham v.v... của tâm người khác. Do lậu tận luân, như căn của ba thừa, như phương tiện của Ba thừa. Như ba Thừa ngộ nhập Thánh Đế, vì họ nói pháp. Hoặc có thể ba phẩm căn hiện hành và ngộ nhập Đế, dùng ba luân này để nhiếp hóa công hạnh người khác, chẳng có gì không làm, nên gọi là gồm thấu tướng viên mãn.
